

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5483 /UBND-TH

Bình Định, ngày 18 tháng 07 năm 2024

V/v báo cáo tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về chi ngân sách địa phương cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hóa thông tin

Kính gửi: Ủy ban Văn hóa, Giáo dục – Quốc hội khóa XV

Thực hiện Văn bản số 2507/UBVHGD15 ngày 21/06/2024 của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục – Quốc hội khóa XV về việc báo cáo tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về chi ngân sách địa phương cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hóa thông tin; UBND tỉnh Bình Định đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc nghiên cứu, rà soát và báo cáo các nội dung theo yêu cầu của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục – Quốc hội khóa XV tại Báo cáo và các phụ lục gửi kèm theo Công văn này.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Ủy ban Văn hóa, Giáo dục – Quốc hội khóa XV xem xét, tổng hợp theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ NSNN;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP, PVP, PVPVX;
- Lưu: VT, K9, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

BÁO CÁO

VỀ VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CHO SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ VÀ SỰ NGHIỆP VĂN HOÁ THÔNG TIN

(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày /7/2024 của UBND tỉnh Bình Định)

I. VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1.1. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội; các định hướng chiến lược của địa phương liên quan đến việc đầu tư ngân sách cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hoá thông tin.

Bình Định là một trong những tỉnh thuộc khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung. Bình Định có diện tích tự nhiên là 606.640 ha; dân số hơn 1,5 triệu người; gồm 11 đơn vị hành chính chính cấp huyện, bao gồm 1 thành phố, 2 thị xã và 8 huyện. Thành phố Quy Nhơn là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Bình Định¹.

Bình Định có vị trí địa kinh tế đặc biệt quan trọng trong việc giao lưu với các quốc gia ở khu vực và quốc tế; nằm ở trung điểm của trục giao thông đường sắt và đường bộ Bắc - Nam Việt Nam, đồng thời là cửa ngõ ra biển Đông gần nhất và thuận lợi nhất của Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và Đông Bắc Thái Lan thông qua Quốc lộ 19 và cảng biển quốc tế Quy Nhơn. Ngoài lợi thế này, Bình Định còn có nguồn tài nguyên tự nhiên, tài nguyên nhân văn phong phú và nguồn nhân lực khá dồi dào. Trong Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt², Bình Định trở thành tỉnh phát triển thuộc nhóm dẫn đầu vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, là trung tâm công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ, du lịch và văn hóa phía Nam của vùng; trung tâm lớn của cả nước về phát triển kinh tế biển; trọng điểm du lịch quốc gia và quốc tế với hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế đồng bộ, hiện đại. Kinh tế của tỉnh phát triển nhanh, bền vững và xanh dựa trên các trụ cột tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ du lịch, cảng biển - logistics; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đô thị hóa. Thực hiện thành công các mục tiêu chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, trở thành điểm đến đầu tư hấp dẫn của các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh thuộc nhóm cao của cả nước. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, hệ thống đô thị phát triển theo hướng đô thị thông minh, kết nối thuận tiện với các

¹ Theo Niên giám thống kê tỉnh Bình Định năm 2022.

² Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

trung tâm kinh tế của vùng, cả nước và quốc tế. Tập trung phát triển đô thị Quy Nhơn hiện đại về không gian, kiến trúc, khai thác tiềm năng, lợi thế đặc biệt về cảnh quan và khí hậu khu vực ven đầm Thị Nại; quy hoạch xây dựng Trung tâm hành chính mới của tỉnh tại Khu kinh tế Nhơn Hội; phát triển Khu Đô thị Khoa học mang tầm cỡ quốc gia. Kiên trì thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; bảo vệ hệ sinh thái và cảnh quan thiên nhiên; thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; bảo tồn và phát huy tốt bản sắc, các nét đẹp văn hoá các dân tộc; đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Trong điều kiện kinh tế của tỉnh còn nhiều khó khăn, ngân sách còn hạn chế nhưng các lĩnh vực văn hóa - xã hội vẫn được chú trọng, góp phần thiết thực vào việc bảo đảm an sinh xã hội, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.

Tại kỳ họp thứ 3 khóa XIII, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định đã thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025, trong đó đưa ra định hướng chiến lược của tỉnh về các lĩnh vực giáo dục – đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hóa thông tin:

+ Về giáo dục - đào tạo và dạy nghề:

Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng dạy và học. củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng trong giáo dục phổ thông; tăng cường giáo dục đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống và giáo dục thể chất cho học sinh.

Rà soát, sắp xếp, quy hoạch các cơ sở giáo dục; nâng cao chất lượng, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; nâng cao năng lực quản trị nhà trường gắn với thực hiện tự chủ trong hoạt động của các cơ sở giáo dục; giải quyết căn cơ tình trạng thừa, thiếu cục bộ giáo viên. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kiên quyết khắc phục bệnh thành tích, xử lý nghiêm các tiêu cực trong giáo dục và đào tạo.

Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, khuyến khích phát triển các cơ sở đào tạo ngoài công lập, thực hiện bình đẳng trong giáo dục - đào tạo. Tiếp tục đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài; thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời.

Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống trường lớp, trang thiết bị dạy và học theo hướng chuẩn hóa. Phân đầu đến năm 2025 có trên 70% số trường đạt chuẩn quốc gia. Tăng cường phối hợp, hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Ưu tiên đầu tư

phát triển giáo dục và đào tạo đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

Nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành trong phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, xem đây là một trong những mục tiêu quan trọng trong giai đoạn tới. Đổi mới và thực hiện tốt các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng đội ngũ trí thức, cán bộ khoa học công nghệ, nhất là các chuyên gia, nhà khoa học; chú trọng phát triển đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý... Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức trẻ, tạo môi trường, điều kiện hoạt động để trí thức nghiên cứu, sáng tạo, cống hiến. Quan tâm công tác định hướng tư tưởng, chính trị, giáo dục đạo đức, lối sống, nhất là nâng cao trách nhiệm và khát vọng cống hiến của đội ngũ trí thức. Đổi mới, đa dạng hóa phương thức vận động, kết nối, tập hợp và tổ chức, động viên đội ngũ trí thức, nhất là trí thức trẻ, trí thức trong các thành phần kinh tế trong thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị của tỉnh trong giai đoạn mới, nhất là đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức. Chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng nhân lực theo định hướng phát triển của tỉnh. Cơ cấu hợp lý nguồn nhân lực giữa các ngành, lĩnh vực để đáp ứng yêu cầu của quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, mở rộng hội nhập và giao lưu với khu vực và quốc tế.

Đổi mới công tác đào tạo nghề theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và nhu cầu xã hội. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, chú trọng đào tạo công nhân lành nghề bậc cao cho các khu công nghiệp, lao động có tay nghề cao cho các ngành dịch vụ và lao động xuất khẩu; quan tâm đào tạo lại lực lượng lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa dạy nghề, đa dạng hóa các hình thức đào tạo nghề, khuyến khích các thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề theo nhu cầu. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế; phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong đào tạo nghề.

Phân đầu đến năm 2025: Đào tạo 650 nhân lực sau đại học (thạc sĩ và tương đương trở lên) phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (trong đó, đào tạo ít nhất 10 tiến sĩ); 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt chuẩn chức danh theo quy định; tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng nghề đạt 66%; bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho 30.000 lao động.

+ Về phát triển văn hóa, thông tin - truyền thông:

Tiếp tục đầu tư phát triển sự nghiệp văn hóa, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, tập quán tốt đẹp của mỗi địa phương. Tập trung giáo dục lòng yêu nước, nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, ý thức trách nhiệm xã hội; ý chí, khát vọng vươn lên của mỗi người dân, nhất là thế hệ trẻ, nâng cao chất lượng gia đình. Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở cơ sở.

Đầu tư nâng cấp, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị các di tích văn hóa, lịch sử, di tích cách mạng và các danh lam thắng cảnh trên địa bàn; đầu tư chống xuống cấp các di tích, đặc biệt là các di tích Chăm; xây dựng Bảo tàng tỉnh. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa, nghệ thuật; duy trì và nâng cao chất lượng các lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa - thể thao. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số; thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa miền núi và miền xuôi. Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật; thực thi quyền tác giả; tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ văn nghệ sĩ sáng tạo và cống hiến.

Triển khai kế hoạch thực hiện quy hoạch báo chí, phát thanh, truyền hình trên địa bàn. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị kỹ thuật, hiện đại hóa, số hóa; nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực thông tin, truyền thông, nhất là các loại hình thông tin trên internet, dịch vụ văn hóa để định hướng tư tưởng, dư luận xã hội.

Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số; tận dụng tối đa cơ hội để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, xây dựng kinh tế số. Phấn đấu, đến năm 2025, Bình Định trở thành địa phương thuộc nhóm 15 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; thu hút đội ngũ chuyên gia trong và ngoài nước đến làm việc tại Công viên phần mềm Quang Trung - Bình Định và Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ Long Vân; kinh tế số chiếm khoảng 10% trong GRDP của tỉnh.

1.2. Khái quát Kế hoạch tài chính 05 năm (2021 - 2025), Kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm (2021 - 2023), Kế hoạch đầu tư trung hạn của địa phương cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hoá thông tin.

- Kế hoạch tài chính 05 năm (2021 - 2025), Kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm (2021 - 2023)

Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 27/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025; Căn cứ Nghị định số

45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ về Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm; Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm.

Giai đoạn 2021-2025, tỉnh Bình Định cùng cả nước tiếp tục hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cùng với cuộc cách mạng khoa học 4.0, sẽ mở ra nhiều cơ hội, đồng thời có nhiều thách thức lớn đối với tỉnh Bình Định. Kế thừa những kết quả đã đạt được trong giai đoạn 2016-2020 và nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế, trong giai đoạn 2021-2025 tiếp tục đẩy mạnh cải thiện môi trường kinh doanh cho các doanh nghiệp trên địa bàn, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội; UBND tỉnh Bình Định xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025³ với mục tiêu chi ngân sách địa phương (bao gồm lĩnh vực chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hóa thông tin) tiếp tục thực hiện các chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, ưu tiên đảm bảo hoàn trả tạm ứng ngân sách và chi trả nợ vay, nợ xây dựng cơ bản, đồng thời bố trí vốn cho các dự án, công trình trọng điểm của tỉnh; đảm bảo mục tiêu triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, phù hợp khả năng cân đối ngân sách; đảm bảo tính bền vững, gắn với chiến lược và định hướng phát triển kinh tế địa phương trong giai đoạn năm 2021-2025 như phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, ổn định đời sống nhân dân, xây dựng nông thôn mới,... Bố trí chi ngân sách địa phương theo hướng tăng dần tỷ trọng chi đầu tư XD CB, từng bước tinh gọn bộ máy hành chính nhà nước nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, dẫn đến giảm dần chi thường xuyên.

Trên cơ sở Kế hoạch tài chính 5 năm (2021 – 2025) được xây dựng, địa phương lập kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2021-2023. Việc lập dự toán chi ngân sách địa phương được thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước, các chính sách và chế độ chi ngân sách do cấp có thẩm quyền ban hành; nhu cầu chi thường xuyên cho sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề, văn hoá thông

³ Báo cáo số 215/UBND-BC ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh về báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2016-2020 và định hướng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn năm 2021-2025 tỉnh Bình Định

tin về cơ bản ổn định qua các năm. Tỷ lệ tăng chi thường xuyên nguyên nhân chủ yếu là do thực hiện tăng mức lương cơ sở trong năm 2023, 2024.

- *Kế hoạch đầu tư trung hạn:*

Thực hiện theo quy định Luật Đầu tư công; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và trên cơ sở Nghị quyết của HĐND tỉnh.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3268/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025. Trong đó bao gồm cho các dự án thuộc lĩnh vực đầu tư cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hóa thông tin.

Hàng năm, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025.

1.3. Công tác ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát việc thực hiện thu, chi ngân sách tại địa phương cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hoá thông tin (Phụ lục 1).

Thực hiện quy định của Luật giám sát, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan, định kỳ giai đoạn và hàng năm, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra giám sát việc thực hiện thu chi ngân sách tại địa phương về lĩnh vực giáo dục – đào tạo và dạy nghề, sự nghiệp văn hóa thông tin (*theo phụ lục 1 đính kèm báo cáo*) để đảm bảo hoạt động thu chi ngân sách đối với các lĩnh vực này hiệu quả, tiết kiệm, hoàn thành các chỉ tiêu, phương hướng đã đề ra.

II. ĐÁNH GIÁ VIỆC BAN HÀNH CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ, NGÂN SÁCH CHO SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ VÀ SỰ NGHIỆP VĂN HOÁ THÔNG TIN

2.1. Đánh giá chính sách, pháp luật về đầu tư ngân sách cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hoá thông tin.

Ngân sách cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hoá thông tin được quy định tại các văn bản Luật, Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật, Thông tư hướng dẫn Nghị định, và các văn bản hướng dẫn khác... Theo đó, đối với Luật bao gồm Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật giáo dục, Luật giáo dục nghề nghiệp, Luật tiếp cận thông tin, Luật Báo chí, Luật Xuất bản,..., đối với Nghị định bao gồm các Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 quy định

chi tiết một số điều của Luật giáo dục, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin,...

Việc ban hành các quy định về chính sách, pháp luật nêu trên đã đảm bảo tính pháp lý, tính thực thi đối với việc bố trí, đầu tư ngân sách đối với sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hoá thông tin.

2.2. Về ban hành các văn bản triển khai và các chính sách về đầu tư ngân sách cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hoá thông tin của địa phương.

Trên cơ sở các quy định của trung ương, địa phương đã chủ động ban hành các văn bản triển khai và chính sách tại địa phương cụ thể như sau:

Đối với lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề:

- Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế hỗ trợ kinh phí đối với các trường mầm non thuộc diện chuyển đổi sang loại hình trường công lập tự chủ hoàn toàn về tài chính trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 23/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ thêm tiền ăn cho học sinh dân tộc thiểu số học nội trú tại các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

- Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiếp tục thực hiện mức thu học phí từ năm học 2022-2023 như năm học 2020-2021 theo Nghị quyết số 33/2015/NQ-HĐND ngày 25/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định;

- Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 07/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức chi cho Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa trên địa

bàn tỉnh Bình Định;

- Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 07/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung và mức chi để hỗ trợ thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 07/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025;

- Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ đối với trẻ em mầm non là công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp; giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục và cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách khuyến khích đối với học sinh, giáo viên, viên chức quản lý các trường trung học phổ thông chuyên thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Định;

- Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức chi khen thưởng cho cán bộ, giáo viên và học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định tham gia các hội thi, kỳ thi, cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức;

- Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết sửa đổi, bổ sung mức chi hỗ trợ tiền ăn, tiền ở cho học sinh tham gia bồi dưỡng và dự thi học sinh giỏi các cấp theo quy định tại Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định, khóa XIII;

- Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 – 2025.

Đối với lĩnh vực văn hóa thông tin:

- Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định mức chi tiền thưởng trong các hoạt động

văn nghệ, thể thao quần chúng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ CHI NGÂN SÁCH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

3.1. Về việc thu ngân sách địa phương

3.1.1. Tình hình thu ngân sách địa phương các năm 2021, 2022, 2023

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh (2021, 2022, 2023) thực hiện 43.059 tỷ đồng, vượt 23,1% dự toán HĐND tỉnh giao, bao gồm:

- Năm 2021: thực hiện là 14.562 tỷ đồng, vượt 37,9% so với dự toán năm và tăng 12% so với cùng kỳ; trong đó thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu thực hiện 1.299 tỷ đồng, vượt 64,5% dự toán năm, tăng 57,9% so với cùng kỳ; thu nội địa thực hiện là 13.204 tỷ đồng, vượt 43% so với dự toán năm và tăng 9,2% so với cùng kỳ. Nếu loại trừ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận còn lại, thực hiện 7.108 tỷ đồng, vượt 22,2% so với dự toán năm và tăng 8,7% so với cùng kỳ.

- Năm 2022: thực hiện là 15.725 tỷ đồng, vượt 28,9% so với dự toán năm và vượt 8% so với cùng kỳ; trong đó thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu thực hiện 837 tỷ đồng, đạt 92,5% dự toán năm, bằng 64,5% so với cùng kỳ; thu nội địa thực hiện là 14.817 tỷ đồng, vượt 33% so với dự toán năm và tăng 12,2% so với cùng kỳ. Nếu loại trừ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận còn lại, thực hiện 7.134 tỷ đồng, vượt 17,9% so với dự toán năm và bằng 100,4% so với cùng kỳ.

- Năm 2023: thực hiện là 12.772 tỷ đồng, vượt 4,6% so với dự toán năm và bằng 81,2% so với cùng kỳ; trong đó thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu thực hiện 508 tỷ đồng, đạt 50,8% dự toán năm, bằng 60,7% so với cùng kỳ; thu nội địa thực hiện là 12.131 tỷ đồng, vượt 9,1% so với dự toán năm và bằng 82% so với cùng kỳ. Nếu loại trừ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận còn lại, thực hiện 7.000 tỷ đồng, bằng 101% so với dự toán năm và bằng 98% so với cùng kỳ.

Để đạt được kết quả thu như trên nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh trong công tác quản lý thu và chống thất thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là việc tăng cường theo dõi, nắm bắt tình hình sản xuất, kinh doanh, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, tạo nguồn thu ổn định, vững chắc cho ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, Ngành Thuế chủ động rà soát, thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý thu nhằm phấn đấu thực hiện đạt và vượt tất cả các chỉ tiêu do HĐND tỉnh giao; nắm chắc thông tin các dự án, nguồn tiền thuê đất, tiền sử dụng đất toàn tỉnh; các cấp, các ngành, địa phương chú trọng

đôn đốc thực hiện các biện pháp chống thất thu ngân sách, nhất là thu nội địa để đảm bảo nhu cầu chi theo kế hoạch; khuyến khích phát triển, mở rộng các ngành nghề, lĩnh vực có số thu lớn, nguồn thu ổn định và các hoạt động dịch vụ công cho các đơn vị sự nghiệp có thu.

3.1.2. Việc huy động các nguồn lực tài chính khác cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hoá thông tin (nguồn vốn ngân sách nhà nước được phân bổ từ Trung ương; nguồn tài trợ, viện trợ; nguồn xã hội hoá,...).

Các nguồn lực tài chính cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hoá thông tin chủ yếu từ nguồn vốn ngân sách nhà nước được phân bổ từ Trung ương để thực hiện các chính sách an sinh xã hội đối với lĩnh vực giáo dục, đào tạo và đảm bảo nhu cầu chi do địa phương chưa tự cân đối được thu chi, cụ thể năm 2021: 81,543 triệu đồng, năm 2022: 87,545 triệu đồng, năm 2023: 109,283 triệu đồng.

Đối với các nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn xã hội hóa còn khá khiêm tốn; trong đó thu viện trợ không hoàn lại trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề: năm 2021 là 1.290 triệu đồng, năm 2023 là 1.857,2 triệu đồng; tài trợ trong lĩnh vực văn hóa năm 2021 là 2.255,17 triệu đồng, năm 2022 là 788,38 triệu đồng.

3.2. Về việc lập dự toán ngân sách nhà nước tại địa phương cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hoá thông tin

3.2.1. Tình hình lập dự toán ngân sách nhà nước tại địa phương qua các năm 2021, 2022, 2023, 2024; Phân tích việc đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Ngân sách nhà nước đối với việc lập dự toán ngân sách tại địa phương

Việc lập dự toán ngân sách nhà nước tại địa phương qua các năm 2021- 2024 cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hoá thông tin đảm bảo quy định tại Điều 42 của Luật ngân sách nhà nước và nguyên tắc phân bổ dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt cho từng giai đoạn thời kỳ ổn định. Theo đó, quá trình lập dự toán ngân sách của đơn vị dự toán ngân sách các cấp từ cấp xã đến cấp tỉnh thể hiện đầy đủ các khoản thu, chi theo đúng biểu mẫu, thời hạn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Dự toán thu ngân sách đối với các khoản thu như học phí trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề, thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học trong các cơ sở giáo dục công lập, phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh,... được lập trên cơ sở dự báo các chỉ

tiêu kinh tế vĩ mô và các chỉ tiêu ước thực hiện các năm trước có liên quan, các quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và chế độ thu ngân sách.

Dự toán chi đầu tư phát triển được lập trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước, khả năng cân đối các nguồn lực trong năm dự toán, quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan;

Dự toán chi thường xuyên được lập trên cơ sở nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Việc lập dự toán ngân sách của các cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính thực hiện theo quy định của Chính phủ;

Dự toán chi ngân sách nhà nước đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề bảo đảm tỷ lệ theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh⁴; Cụ thể:

- Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục tại địa phương đối với năm 2022 và các năm tiếp theo của thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 là:

+ Chi tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập được xác định trên cơ sở số lượng người làm việc (biên chế) được cấp có thẩm quyền giao.

+ Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đối với cơ sở giáo dục công lập thực hiện theo tỷ lệ chi tiền lương, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) là 81% và chi cho hoạt động giảng dạy và học tập là 19% (chưa kể chi từ nguồn thu học phí), về tỷ lệ chi hoạt động giảng dạy và học tập xác định là 19% được áp dụng cho năm ngân sách 2022 tính theo mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng.

+ Ngân sách nhà nước cấp kinh phí cho cơ sở giáo dục công lập để thực hiện chính sách miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập và chính sách hỗ trợ khác cho học sinh (nếu có) theo quy định của Nhà nước;

⁴ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 và Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định

Ngoài ra, chi sự nghiệp giáo dục được phân bổ thêm kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

+ Thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục theo cơ chế tự chủ.

+ Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, căn cứ tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương quyết định bố trí kinh phí chi hoạt động giảng dạy và học tập theo tỷ lệ phù hợp.

- Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

+ Định mức phân bổ theo chỉ tiêu học viên:

Đơn vị tính: triệu đồng/học viên

Ngành đào tạo	Định mức
1. Cao đẳng	
- Hệ chính quy	10,8
2. Trung học chuyên nghiệp	
Hệ chính quy	
- Văn hóa nghệ thuật	22,8
- Đào tạo lý luận chính trị	13,1
- Các ngành khác	9,6

+ Đối với các cơ sở đào tạo, nếu không tuyển sinh đủ chỉ tiêu đào tạo được cấp có thẩm quyền giao thì sẽ được xem xét hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để đảm bảo tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo số người làm việc (biên chế) được cấp có thẩm quyền giao.

+ Trong quá trình thực hiện định mức phân bổ trên đây, nếu có sự thay đổi về chế độ, chính sách và nguồn thu thì định mức phân bổ cho các Trường sẽ được tiếp tục cân đối từ nguồn thu và phân bổ phù hợp với quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo quy định và tình hình thực tế.

+ Đối với học sinh hệ cử tuyển thực hiện theo chính sách, chế độ nhà nước.

+ Việc chi đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị thực hiện phân bổ theo các nhiệm vụ, nội dung, lĩnh vực đào tạo chuyên ngành tại các cơ sở đào tạo do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

+ Kinh phí chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề phân bổ cho các hoạt động đào tạo và dạy nghề khác được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ.

Dự toán chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được lập căn cứ vào danh mục các chương trình, tổng mức kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trong từng giai đoạn do Quốc hội quyết định, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và chi tiết các dự án thành phần đối với từng chương trình mục tiêu quốc gia;

Định mức, tiêu chuẩn chế độ chi ngân sách tại địa phương đều được căn cứ trên các quy định của các văn bản trung ương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, do vậy, đảm bảo về mặt pháp lý tình hình thực tiễn của địa phương.

Quy trình, thủ tục lập dự toán, lập điều chỉnh, chi và quyết toán ngân sách cũng được thực hiện đầy đủ từng bước theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

3.2.2. Những thuận lợi, khó khăn vướng mắc trong quá trình xây dựng và phê duyệt dự toán ngân sách hàng năm.

- Thuận lợi: Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ, Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính và các Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm. Có biểu mẫu thực hiện rõ ràng, thể hiện đầy đủ nhu cầu chi của các đơn vị sử dụng ngân sách.

- Khó khăn:

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề và văn hóa thông tin khi thực hiện lập dự toán hàng năm đối với các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước còn nhiều lúng túng, chủ yếu vẫn căn cứ các định mức chi tiêu, phân bổ hiện hành mà chưa thực hiện được cơ chế giá dịch vụ. Nguyên nhân, các Bộ, ngành Trung ương chưa ban hành đầy đủ định mức kinh tế - kỹ thuật trong từng lĩnh vực, hoặc chỉ có Thông tư hướng dẫn xây dựng, tuy nhiên Thông tư hướng dẫn chưa cụ thể, rõ ràng. Do đó, địa phương chưa đủ căn cứ để làm cơ sở ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN tại địa phương, cũng như xác định lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công.

Một số văn bản hướng dẫn chế độ chính sách cho học sinh các trường dân tộc nội trú chưa được sửa đổi kịp thời như Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo được ban hành đã quá lâu, định mức chi hỗ trợ cho học sinh thấp, không còn phù hợp với tình hình thực tế.

3.3. Tình hình chi ngân sách địa phương cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hoá thông tin

3.3.1 Tình hình chi đầu tư phát triển cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hoá thông tin:

* Tình hình chi đầu tư phát triển cho sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hóa thông tin:

Trong giai đoạn 2021 – 2025, địa phương đã xây dựng kế hoạch bố trí vốn đầu tư trung hạn đối với các lĩnh vực:

- Thông tin: 127.213 tỷ đồng cho 09 dự án.
- Văn hóa: 159.529 tỷ đồng cho 23 dự án.
- Giáo dục đào tạo: 843.700 tỷ đồng cho 156 dự án.

Hiệu quả kinh tế - xã hội của các dự án đầu tư ngân sách:

+ Việc đầu tư xây dựng hoàn thành các di tích có ý nghĩa tôn vinh và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam nói chung và tỉnh Bình Định nói riêng, đồng thời, gắn kết với phát triển du lịch, kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu khoa học, cung cấp thông tin, phổ biến tri thức, lịch sử, văn hóa đến nhân dân, du khách trong và ngoài nước. Hiệu quả đầu tư cho văn hóa không chỉ dừng lại ở việc duy trì, bảo tồn giá trị văn hóa mà còn khai thác được khía cạnh kinh tế trong văn hóa, góp phần đem lại nguồn lợi kinh tế đáng kể thông qua nguồn thu từ bán vé tham quan, chi tiêu của khách du lịch. Nguồn thu này được địa phương tiếp tục duy trì, vận hành quản lý và tái đầu tư cho chính các di sản văn hóa.

+ Các dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp, cải tạo, xây dựng trường học góp phần chống xuống cấp, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường thực hiện tốt Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường chuẩn quốc gia và tham gia cùng địa phương xây dựng nông thôn mới.

+ Các dự án lĩnh vực thông tin đã góp phần nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, quản lý trong lĩnh vực thông tin, góp phần thực hiện các nhiệm vụ của chính quyền điện tử, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh nói riêng và cả nước nói chung.

3.3.2. Chi thường xuyên cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hoá thông tin:

Chi thường xuyên cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hóa thông tin qua các năm 2021 -2024 tại địa phương đã đảm bảo phù hợp theo tỉ lệ phân bổ ngân sách của trung ương giao hàng năm, trong đó đối với lĩnh vực sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

- Năm 2021: số dự toán giao chi tối thiểu của Bộ Tài chính tại Quyết định số 2040/QĐ-BTC ngày 03/12/2020 là 3.232.574 triệu đồng; thực hiện 3.146.880, đạt 97,3% với dự toán giao. Nguyên nhân không đạt dự toán là ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên thời gian học của học sinh giảm so với kế hoạch, vì vậy, một số

chính sách đã cân đối thực hiện thấp hơn so với dự toán như chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3-5 tuổi; chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật; chính sách học bổng học sinh dân tộc nội trú...

- Năm 2022: số dự toán giao chi tối thiểu của Bộ Tài chính tại Quyết định số 2306/QĐ-BTC ngày 07/12/2021 là 3.382.292 triệu đồng; thực hiện 3.344.776 triệu đồng; đạt 98,9% với dự toán giao. Nguyên nhân không đạt dự toán là do năm 2022 không tăng lương cơ sở, do đó, nguồn 10% tiết kiệm chi thường xuyên thuộc sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề chưa sử dụng và đã chuyển nguồn sang năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

- Năm 2023: số dự toán giao chi tối thiểu của Bộ Tài chính tại Quyết định số 2560/QĐ-BTC ngày 07/12/2022 là 3.491.235 triệu đồng; thực hiện 3.597.996 triệu đồng; vượt 3,1% dự toán giao, đảm bảo không thấp hơn mức giao của Trung ương

Ngân sách nhà nước đầu tư cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo và dạy nghề giai đoạn từ năm 2021- 2024 cơ bản đảm bảo chi cho con người và hoạt động chuyên môn trong giáo dục và đào tạo theo nguyên tắc phân bổ của Quốc hội, Chính phủ. Tuy nhiên, ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục và đào tạo vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu về phát triển giáo dục đào tạo, nhất là kinh phí để đầu tư xây cơ sở vật chất trường học và thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá. Cơ sở vật chất trường học chưa đảm bảo, còn thiếu các phòng chức năng, phòng học bộ môn, thư viện, nhà đa năng... Nhất là các cơ sở giáo dục đóng trên địa bàn thị trấn, thị xã, thành phố không đủ diện tích đất để xây dựng trường chuẩn quốc gia theo mức độ cao hơn.

Trong những năm qua, hoạt động thông tin, tuyên truyền được các cấp quan tâm, các cơ quan báo chí trong tỉnh đã kịp thời tuyên truyền việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trên các lĩnh vực thời sự chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh. Thông tin đầy đủ về các hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và lãnh đạo tỉnh cùng các ban, ngành, đoàn thể nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn và các sự kiện quan trọng. Theo đó, công tác lập, phân bổ dự toán lĩnh vực văn hóa thông tin được thực hiện ngay từ đầu năm, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao, hạn chế nộp trả lại ngân sách

Giai đoạn 2021-2024, trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới phải đối mặt với những khó khăn, thách thức do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 và những biến động bất lợi của giá cả thị trường, ảnh hưởng rất lớn đến thu ngân sách tỉnh, do vậy, khả năng đáp ứng của ngân sách địa phương đối lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề và lĩnh vực văn hóa thông tin là chưa thể đảm bảo hết theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và các mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương được đề ra tại Nghị quyết 09/2021/NQ-HĐND ngày

21/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025, tuy nhiên, trong điều kiện kinh tế khó khăn chung, địa phương đã nỗ lực đảm bảo cơ bản các yêu cầu cơ bản về chi tiền lương, định mức hoạt động tối thiểu, các chế độ chính sách đảm bảo an sinh do trung ương và địa phương ban hành và một số nhiệm vụ theo yêu cầu của các cấp chính quyền đối với lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề và lĩnh vực sự nghiệp văn hóa thông tin.

3.4. Tình hình quyết toán ngân sách địa phương về ngân sách chi cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hoá thông tin

- Kết quả quyết toán ngân sách chi cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề và sự nghiệp văn hoá thông tin các năm ngân sách 2021, 2022, dự kiến năm 2023 (*chi tiết theo số liệu tại Phụ lục 2*).

- Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc:

+ Thuận lợi:

Công tác quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm đã được quy định trong Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước. Công tác quyết toán ngân sách nhà nước là khâu cuối trong quy trình ngân sách, nhưng có sự gắn kết với các nhiệm vụ khác để đánh giá cả quá trình thực hiện nhiệm vụ ngân sách trong năm. Để đảm bảo sự thống nhất trong tổ chức thực hiện, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước, Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán (vốn đầu tư). Đồng thời, Bộ Tài chính đã có Công văn số 17304/BTC-KBNN về việc hướng dẫn chuyển nguồn ngân sách năm 2017 sang năm 2018, lập và gửi báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm.

Hiện nay, Hệ thống Thông tin Quản lý Ngân Sách và Kho bạc (Tabmis) được triển khai tại Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước các cấp, các cơ quan tài chính cấp tỉnh, huyện và một số đơn vị sử dụng ngân sách. Chức năng của hệ thống TABMIS là hạch toán, theo dõi và quản lý toàn bộ dữ liệu phân bổ dự toán, thu, chi ngân sách các cấp chi tiết theo mục lục ngân sách, địa bàn, đơn vị và tính chất các khoản thu, chi; điều này tạo điều kiện thuận lợi rất lớn cho công tác quyết toán ngân sách ngân sách nhà nước.

+ Khó khăn, nguyên nhân:

Trong quá trình tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước đối với yêu cầu các chế độ, chính sách do ngân sách trung ương cân đối kinh phí cần báo cáo quyết

toán riêng hàng năm gửi Bộ Tài chính, tuy nhiên, hệ thống TABMIS chưa xây dựng được phương thức theo dõi riêng đối với một số chính sách này. Do vậy, công tác tổng hợp quyết toán đối với từng chính sách còn mang tính thủ công, trên cơ sở báo cáo số của các đơn vị dự toán, rà soát về định mức phân bổ dự toán chính sách của cơ quan tài chính cấp trên và xác nhận số liệu chi của cơ quan kho bạc cùng cấp.

3.5. Đánh giá chung

- Thuận lợi:

Trên cơ sở chỉ đạo kịp thời, sát sao của Thủ tướng Chính phủ, Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chủ động điều hành, chỉ đạo các cơ quan tham mưu tổng hợp, cơ quan tài chính và các chủ đầu tư tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, phấn đấu đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch được HĐND tỉnh giao, kế hoạch thu, chi ngân sách trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề và lĩnh vực văn hóa thông tin.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục được sự kiểm tra, giám sát của cơ quan cấp trên, cơ quan tài chính và kho bạc nhà nước các cấp nên đã góp phần vào việc thực hiện dự toán chi chặt chẽ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đồng thời tiết kiệm, ngăn ngừa hành vi tham nhũng, lãng phí. Việc điều hành chi ngân sách của các cấp chính quyền địa phương trong khả năng cân đối nguồn thu của địa phương, đã bám sát theo dự toán được HĐND các cấp thông qua và cơ bản đáp ứng kịp thời các khoản chi cần thiết, bức xúc khác.

- Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân:

* Đối với lĩnh vực đầu tư:

+ Bên cạnh, những mặt tích cực đạt được, trong công tác giải ngân vốn đầu tư công vẫn còn tình trạng một số chủ đầu tư chưa quan tâm đúng mức đến công tác bồi thường GPMB, trong công tác lựa chọn tư vấn thiết kế giám sát, công tác quy hoạch, công tác chỉ đạo điều hành,... làm ảnh hưởng đến kết quả giải ngân chung của tỉnh, xuất phát từ các nguyên nhân dưới đây

+ Nguồn thu sử dụng đất của tỉnh trong thời gian qua chưa đạt như yêu cầu đặt ra, mặc dù tỉnh đã điều hành linh hoạt, ứng tồn quỹ ngân sách tỉnh để chi trả các nhiệm vụ mang tính cấp bách, nhưng vẫn chưa đáp ứng theo tiến độ của các dự án được phân bổ kế hoạch từ nguồn này, nhất là các dự án trọng điểm của tỉnh.

+ Mặt bằng thi công vướng quy hoạch, nên phải điều chỉnh lại quy hoạch và điều chỉnh vị trí xây dựng cho phù hợp.

+ Năng lực tư vấn hạn chế nên khi trình các cơ quan thẩm định chuyên ngành thẩm duyệt phải mất nhiều thời gian để điều chỉnh, bổ sung, nhất là đối với công

tác trình thẩm duyệt phòng cháy, chữa cháy.

+ Một số chủ đầu tư chậm lập các hồ sơ, thủ tục thanh toán, dẫn đến không giải ngân hoặc giải ngân vốn thấp, mặc dù một số nguồn vốn đã có sẵn.

* Đối với lĩnh vực chi thường xuyên:

Chưa thể đáp ứng đủ tất cả các nhu cầu chi thường xuyên đối với lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề và lĩnh vực văn hóa thông tin tại địa phương, nguyên nhân do địa phương còn khó khăn về thu ngân sách.

- Giải pháp:

Bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện chính sách, pháp luật về chi ngân sách địa phương và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm. Việc phân bổ dự toán chi ngân sách cần bám sát việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm được giao, tránh dàn trải, lãng phí; phân bổ, quản lý chi đầu tư phát triển từ ngân sách phải tuân thủ Luật Đầu tư công.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy hiệu lực, hiệu quả và đẩy mạnh đổi mới cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp công lập, nâng cao hiệu quả hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập; tăng quyền tự chủ. Tập trung thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Ban hành các định mức kinh tế, kỹ thuật, làm cơ sở cho việc xác định giá dịch vụ công theo lộ trình; nâng cao chất lượng, số lượng dịch vụ công.

Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước, tránh để xảy ra vi phạm, tiêu cực, thất thoát, lãng phí trong công tác quản lý thu, chi và sử dụng ngân sách nhà nước tại cơ quan, đơn vị.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

4.1. Với Quốc hội

Tiếp tục quan tâm đối với lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề và văn hóa thông tin, cụ thể: xem xét tăng định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các địa phương trong giai đoạn tiếp theo.

Xem xét, bố trí đủ vốn ngân sách Trung ương và quy định vốn đối ứng từ ngân sách địa phương cho Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá giai đoạn 2026-2030 để đảm bảo bố trí đủ nguồn lực hỗ trợ hoàn thành được các mục tiêu.

4.2. Với Chính phủ

Chỉ đạo các bộ, ngành (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa Thể thao, Bộ

Thông tin và Truyền thông) xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực quản lý của các Bộ để áp dụng chung cho cả nước, nhằm đảm bảo tính hiệu quả, khả thi, tiết kiệm ngân sách Nhà nước.

Đề xuất Quốc hội xem xét, phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia chấn hưng, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam giai đoạn 2026-2030.

4.3. Với các bộ, ngành

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: Đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các Bộ, Ngành liên quan đề xuất Chính phủ chính sách phụ cấp cho giáo viên dạy trẻ mẫu giáo khuyết tật hòa nhập; giáo viên dạy trẻ dân tộc thiểu số vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn; giáo viên các lớp ghép nhiều độ tuổi; Hoàn chỉnh các chế độ chính sách về trường chuyên biệt như: Chế độ cho học sinh dân tộc học nội trú, chế độ cho trường chuyên, chế độ của học sinh khuyết tật học trong trường Chuyên biệt. Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét rà soát và đề nghị các Bộ ngành có chức năng sớm sửa đổi, bổ sung về việc hướng dẫn chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc được quy định tại Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 vì Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT được ban hành để hướng dẫn Nghị định số 75/2006/NĐ - CP ngày 02/8/2006 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Nghị định số 84/2020/NĐ-CP;

- Bộ Tài chính:

+ Đề xuất xem xét, sửa đổi, bổ sung Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công cho thống nhất với Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Thông tư số 56/2022/TT-BTC.

+ Đề xuất xem xét, bổ sung chức năng gắn mã riêng đối với một số chế độ, chính sách cần báo cáo quyết toán riêng hàng năm trên hệ thống Tabmis.

- Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch: Đề xuất xây dựng, tham mưu Chính phủ đề xuất Quốc Hội phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia chấn hưng, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam giai đoạn 2026-2030./.

Phụ lục 01

DANH MỤC VĂN BẢN LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, KIỂM TRA, GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN THU, CHI NGÂN SÁCH TẠI ĐỊA PHƯƠNG CHO SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ VÀ SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN

(Kèm theo Báo cáo tại Công văn /UBND-TH ngày /7/2024 của UBND tỉnh)

STT	Loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu	Cơ quan ban hành
I	Văn bản của tỉnh/thành ủy				
1	Chương trình hành động	07-CTr/TU	14/5/2021	Thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 - 2025	Tỉnh ủy
2	Kế hoạch	72-KH/TU	17/8/2023	Thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2025	Tỉnh ủy
3	Chương trình hành động	27-CTr/TU	18/3/2024	Thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ tri thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới	Tỉnh ủy
II	Văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố				
1	Nghị quyết	23/NQ-HĐND	6/12/2020	Về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021	HĐND tỉnh
2	Nghị quyết	23/2021/NQ-HĐND	11/12/2021	Quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định	HĐND tỉnh
3	Nghị quyết	07/2021/NQ-HĐND	15/6/2021	Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	HĐND tỉnh
4	Nghị quyết	72/NQ-HĐND	11/12/2021	Về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022	HĐND tỉnh
5	Nghị quyết	58/NQ-HĐND	10/12/2022	Về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023	HĐND tỉnh
6	Nghị quyết	77/NQ-HĐND	6/12/2023	Về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024	HĐND tỉnh
III	Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố				
1	Quyết định	5050/QĐ-UBND	10/12/2020	Về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021	UBND tỉnh

STT	Loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu	Cơ quan ban hành
2	Quyết định	77/2021/QĐ-UBND	15/12/2021	Quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định	UBND tỉnh
3	Quyết định	4950/QĐ-UBND	13/12/2021	Về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022	UBND tỉnh
4	Quyết định	4179/QĐ-UBND	12/12/2022	Về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023	UBND tỉnh
5	Quyết định	4568/QĐ-UBND	10/12/2023	Về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024	UBND tỉnh
6	Kế hoạch	91/KH-UBND	9/5/2024	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 20/3/2024 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 686/NQ-UBTVQH15 ngày 18/9/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát chuyên đề về việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông	UBND tỉnh
7	Kế hoạch	78/KH-UBND	12/4/2024	Kế hoạch thực hiện hoạt động Giám nghèo về thông tin; Kiểm tra, giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2024	UBND tỉnh
8	Công văn	433/UBND-TH	17/1/2024	Về việc tăng cường tiết kiệm chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định	UBND tỉnh
9	Công văn	7056/UBND-TH	27/9/2023	Văn bản số về tăng cường công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định	UBND tỉnh
10	Công văn	7738/UBND-VX	19/10/2023	Về việc đẩy mạnh giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý năm 2023	UBND tỉnh

PHỤ LỤC 02
TÌNH HÌNH CHI NGÂN SÁCH TẠI ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo tại Công văn /UBND-TH ngày /7/2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	2021	2022	2023
1	Tổng chi ngân sách địa phương	18.734.205	21.574.314	20.519.486
2	Tổng chi ngân sách cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.943.359	4.270.035	4.639.342
2.1	Chi đầu tư phát triển	469.896	506.699	501.024
2.2	Chi thường xuyên	3.130.217	3.090.035	3.264.245
2.3	Chi cho hoạt động của cơ sở giáo dục	322.762	391.348	462.750
2.4	Chi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (về nội dung liên quan đến sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề nếu có)	2.860	8.273	13.551
2.5	Chi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo bền vững (về nội dung liên quan đến sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề nếu có)	1.434	16.248	61.186
2.6	Chi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (về nội dung liên quan đến sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề nếu có)		9.071	32.369
2.7	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu nhiệm vụ của địa phương (về nội dung liên quan đến sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề nếu có)	16.190	248.360	304.216
	<i>Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh đi học theo quy định tại Quyết định số 4212/QĐ-UBND ngày 17/12/2014; Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh</i>	16.190	15.067	15.067
	<i>Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ giáo viên, học sinh theo Quyết định số 77/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh</i>			1.734
	<i>Hỗ trợ thêm tiền ăn cho học sinh dân tộc thiểu số học nội trú tại các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bình Định theo quy định tại Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 13/4/2022</i>		2.387	5.271

STT	Nội dung	2021	2022	2023
	<i>Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025 theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 07/9/2022</i>		230.906	282.144
3	Tổng chi ngân sách cho sự nghiệp văn hóa thông tin	312.022	406.697	379.284
3.1	Chi đầu tư phát triển	213.878	278.468	181.595
3.2	Chi thường xuyên	89.740	115.407	145.670
3.3	Chi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (về nội dung liên quan đến văn hóa thông tin nếu có)	6.495	12.392	23.563
3.4	Chi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo bền vững (về nội dung liên quan đến văn hóa thông tin nếu có)	1.909	430	2.309
3.5	Chi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (về nội dung liên quan đến văn hóa thông tin nếu có)		0	26.148
3.6	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu nhiệm vụ của địa phương (về nội dung liên quan đến văn hóa thông tin nếu có)			